

Bản án số: 160/2020/HS-ST  
Ngày: 27-11-2020.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Tiến Thịnh; ông Phạm Đức Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 154/2020/HSST ngày 28 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020/QĐXXST-HS ngày 13/11/2020 đối với các bị cáo:

**1. Vũ Văn X**, sinh ngày 18/3/1977; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn (văn hoá): 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn T (đã chết) và con bà Vũ Thị N (đã chết); gia đình bị cáo có 9 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy; vợ là Không Thị H, sinh năm 1981; có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 02/2000 đến tháng 02/2002; hiện là quân nhân dự bị, dân quân, không trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu hoặc phối thuộc với Quân đội nhân dân trong chiến đấu. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 17/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Trần Văn Đ**, sinh ngày 22/12/1962; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn (văn hoá): 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không;

con ông Trần Văn K (đã chết) và con bà Bùi Thị C; gia đình bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Khổng Thị G, sinh năm 1965, có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tháng 02/1979 đến tháng 6/1983 tham gia nghĩa vụ quân sự; - Bản án số 69/2012/HSSTT ngày 20/4/2012, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 23 tháng 24 ngày kể từ ngày 20/4/2012, phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 03/7/2015. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 17/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**3. Hà Mạnh C**, sinh ngày 02/5/1988; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn (văn hoá): 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hà Xuân T và con bà Đặng Thị M; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC ngày 07/01/2016 của Công an thành phố T phạt 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 17/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**4. Phạm Huy T**, sinh ngày 01/01/1979; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn (văn hoá): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Huy T (đã chết – ông T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng Ba) và con bà Vũ Thị B; gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Khổng Thị Kiên, sinh năm 1982; có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 17/8/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**5. Nguyễn Văn B**, sinh ngày 29/02/1996; giới tính: Nam; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn (văn hoá): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và con bà Bùi Thị S; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Vũ Thị D, sinh năm 1997; có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 17/8/2020 được

thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Khổng Thị G, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Người chứng kiến:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Đường K, tổ 07, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 12/8/2020, các bị cáo Trần Văn Đ, Vũ Văn X, Hà Mạnh C cùng ngồi chơi tại quán bán chim cảnh của bị cáo Nguyễn Văn B tại thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo X rủ các bị cáo Đ, B, C chơi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, tất cả cùng đồng ý và đến trang trại của bị cáo Đ tại thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Tại đây, các bị cáo X, Đ, B, C cùng thống nhất đánh bạc ăn tiền với hình thức đánh liêng và lấy 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân có sẵn ở đó, ngồi trên sập gỗ trong phòng nhà bị cáo Đ với quy định: Người cầm cái sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người chơi 03 lá bài, sau đó lật bài độ điểm, bài cao nhất là sấp (ba cây giống nhau về số), sấp cao nhất là AAA, bài cao thứ nhì là liêng (ba cây liền nhau về số, không đồng chất), liêng cao nhất là QKA, bài cao thứ ba là hình ảnh (bài có ba cây từ quân J) trở lên, hình ảnh cao nhất là KKQ, cuối cùng là độ điểm, điểm cao nhất của ba lá cộng vào là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Quy định tiền đặt cược thấp nhất trong một ván là 20.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng, trong một ván chơi nếu ai tố từ 100.000 đồng trở lên mà thắng ván đó thì phải nộp cho bị cáo Đ là chủ nhà số tiền hồ là 10.000 đồng. Sau khi thống nhất xong, tất cả cùng ngồi đánh bạc, bị cáo X là người chia ván đầu tiên, khi bắt đầu chơi bị cáo X lấy điện thoại Nokia màu đen gọi cho bị cáo Phạm Huy T (sử dụng điện thoại Samsung Galaxy J4+) rủ đến đánh bạc cùng. Khoảng 25 phút sau bị cáo T đến và cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an thành phố T phát hiện bắt quả tang các bị cáo đang chơi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi liêng, thu trên chiếu bạc số tiền

13.100.000 đồng, trong đó có 70.000 đồng là số tiền bị cáo Đ nhận của những người tố từ 100.000 đồng trở lên mà thắng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Quản lý trên người của các đối tượng 9.370.000 đồng và 04 điện thoại các loại. Sau đó lực lượng Công an đã đưa các bị cáo cùng tang vật về trụ sở Ủy ban xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

1. Bị cáo Vũ Văn X mang 4.000.000 đồng để đánh bạc, đánh không rõ thắng thua. Khi bị lực lượng Công an bắt quả tang, bị cáo bị thu giữ hết tiền trên chiếu. Ngoài ra, bị cáo X còn bị thu giữ trên người 2.000.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen.

2. Bị cáo Trần Văn Đ có 4.600.000 đồng, chỉ lấy ra 100.000 đồng để đánh bạc, còn 4.500.000 đồng (là tiền mua thuốc không sử dụng để đánh bạc). Ngoài ra, bị cáo còn sử dụng 70.000 đồng tiền hồ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc tiền để trên chiếu, không rõ thắng thua. Khi lực lượng Công an bắt quả tang. Bị cáo Đ bị thu giữ hết tiền đánh bạc trên chiếu và còn bị thu giữ trên người 4.500.000 đồng (không sử dụng để đánh bạc) và 01 điện thoại Nokia màu xanh.

3. Bị cáo Hà Mạnh C mang theo 4.710.000 đồng dùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc không rõ thắng thua. Khi bị lực lượng Công an bắt quả tang, bị cáo bị thu giữ hết tiền đánh bạc trên chiếu. Ngoài ra, bị cáo C còn bị thu giữ quản lý trên người 2.870.000 đồng và 01 điện thoại Nikia màu đen.

4. Bị cáo Phạm Huy T mang 9.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc không rõ thắng thua. Khi bị lực lượng Công an bắt quả tang, bị cáo bị thu giữ hết tiền đánh bạc trên chiếu. Ngoài ra, bị cáo T còn bị thu giữ quản lý trên người 01 điện thoại Samsung Galaxy J4+.

5. Bị cáo Nguyễn Văn B mang 160.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc không rõ thắng thua. Khi bị lực lượng Công an bắt quả tang, bị cáo B bị thu giữ hết tiền đánh bạc trên chiếu.

Trong quá trình đánh bạc không có người canh coi, cho vay mượn, cầm cố tài sản để đánh bạc.

Cáo trạng số 155/CT-VKSTP ngày 27/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo Vũ Văn X, Trần Văn Đ, Hà Mạnh C,

Phạm Huy T và Nguyễn Văn B về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn X, Trần Văn Đ, Hà Mạnh C, Phạm Huy T và Nguyễn Văn B phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 35; điều 50; điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn X mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Huy T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 35; điều 50; điều 58; điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Hà Mạnh C mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 65; điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; căn cứ điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

4.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 17.970.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc.

4.3. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Vũ Văn X và 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4+ thu giữ của bị cáo Phạm Huy T.

4.2. Trả lại bị cáo Trần Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh; trả lại bị cáo Hà Mạnh C 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen nhưng tiếp tục quản lý của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

4.3. Trả lại bà Khổng Thị G số tiền 4.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ.

4.4. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

5. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình; cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều

tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ kết tội lẫn nhau, ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố T lập hồi 18 giờ 00 phút ngày 12/8/2020 (bút lục số 11 đến 14); biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường (bút lục số 139 đến 141); biên bản kiểm tra điện thoại (bút lục số 137, 138); lời khai của người chứng kiến là bà Bùi Thị H (bút lục số 138 đến 141); biên bản ghi lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Khổng Thị G (bút lục số 146a, 146b). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 14 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 12/8/2020, tại trang trại của bị cáo Trần Văn Đ ở thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình, bị cáo Vũ Văn X cùng các bị cáo Trần Văn Đ, Hà Mạnh C, Phạm Huy T, Nguyễn Văn B đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng đã bị Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và số tiền các bị can đã dùng để đánh bạc là 17.970.000 đồng (gồm thu trên chiếu bạc 13.100.000 đồng và thu trên người các bị can là 4.870.000 đồng). Ngoài ra còn thu giữ 04 điện thoại các loại và 4.500.000 đồng là tiền không dùng để đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 321 Bộ luật Hình sự, tội “Đánh bạc” quy định: *1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới*

*50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 triệu đồng.*

[4] Xét tính chất mức độ hậu quả của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, đi ngược lại thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, gây nên dư luận xấu trong nhân dân. Các bị cáo đã thực hiện hành vi sát phạt nhau, chiếm đoạt tài sản của nhau một cách bất hợp pháp, điều đó chẳng những thể hiện việc coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường giá trị sức lao động của con người, mà còn có thể là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[5] Tội phạm “Đánh bạc” mà các bị cáo thực hiện trong vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Vũ Văn X là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc và đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức hình phạt tương xứng, bị cáo Phạm Huy T tuy có thời gian đánh bạc ít hơn các bị cáo khác nhưng là người dùng số tiền để đánh bạc nhiều nhất (9.000.000 đồng) nên bị cáo giữ vai trò thứ 2 và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo X. Bị cáo Trần Văn Đ tuy dùng số tiền để đánh bạc ít (100.000 đồng) nhưng có thu hồ được 70.000 đồng và dùng số tiền này để đánh bạc, sử dụng trang trại của gia đình làm địa điểm đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò thứ 3 và phải chịu mức hình phạt bằng bị cáo X. Bị cáo Hà Mạnh C dùng số tiền đánh bạc nhiều thứ 2 (4.710.000 đồng), thực hiện hành vi đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt nên bị cáo giữ vai trò thứ 3 và phải chịu mức hình phạt bằng bị cáo Đ. Bị cáo Nguyễn Văn B dùng số tiền đánh bạc ít nhất nên bị cáo giữ vai trò thứ 4 và phải chịu mức hình phạt thấp nhất.

[6] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:



[6.1] Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Vũ Văn X, Hà Mạnh C, Phạm Huy T và Nguyễn Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; ngoài ra, bị cáo Vũ Văn X có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, bị cáo Phạm Huy T có bố đã được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn Đ tuy đã 01 lần bị xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo năm 2012 nhưng đã được xóa án tích, coi như chưa bị kết án; bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.2] Các bị cáo đều có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo nên cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là phù hợp quy định của pháp luật và như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên tòa. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Cần phạt bổ sung đối với các bị cáo là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự.

[7] Về vật chứng vụ án:

[7.1] Đối với số tiền 17.970.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc nên áp dụng điều 46, điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với số tiền 4.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ, quá trình điều tra xác định là tiền của bà Khổng Thị G (vợ bị cáo Đ) đưa cho bị cáo để mua thuốc điều trị bệnh, bị cáo không sử dụng để đánh bạc nên áp dụng điều 46, điều 48 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bà Khổng Thị G số tiền 4.500.000 đồng.

[7.3] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Vũ Văn X sử dụng để gọi cho bị cáo Phạm Huy T rủ đến đánh bạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+ thu giữ của bị cáo Phạm Huy T dùng để nghe khi bị cáo X gọi đến đánh bạc là các công cụ dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điều 46, điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7.4] Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Hà Mạnh C và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nên điều 46, điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7.5] Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn X, Trần Văn Đ, Hà Mạnh C, Phạm Huy T và Nguyễn Văn B phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 65; điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

2.1.1. Xử phạt bị cáo Vũ Văn X **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

Giao bị cáo Vũ Văn X cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt tiền bị cáo Vũ Văn X 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2.1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Huy T **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02** (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

Giao bị cáo Phạm Huy T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt tiền bị cáo Phạm Huy T 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 17; điều 65; điều 35; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

2.2.1. Xử phạt bị cáo Hà Mạnh C **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

Giao bị cáo Hà Mạnh C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt tiền bị cáo Hà Mạnh C 7.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2.2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **05** (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn B 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17; điều 35; điều 65; điều 50; điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/11/2020.

Giao bị cáo Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt tiền bị cáo Trần Văn Đ 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

4. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 46, điều 47, điều 48 Bộ luật hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

5.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 17.970.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc.

5.2. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

5.3. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của bị cáo Vũ Văn X và 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4+ thu giữ của bị cáo Phạm Huy T.

5.4. Trả lại bị cáo Trần Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh; trả lại bị cáo Hà Mạnh C 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen nhưng tiếp tục quản lý của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

5.5. Trả lại bà Không Thị G, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình số tiền 4.500.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ.

(Vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển sang chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 28/10/2020).

6. Về án phí: Áp dụng điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Các bị cáo Vũ Văn X, Trần Văn Đ, Hà Mạnh C, Phạm Huy T và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,*

*7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. Căn cứ điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/11/2020. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Khổng Thị G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- CQCSĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHSCATP.Thái Bình;
- UBND các xã: Đ, D, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đ, TP.T;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**